

## Mục lục

**Phan Nguyễn Ngọc Ánh.** A best practice analysis on desertification adaptation measures in Bac Binh and Tuy Phong districts, Binh Thuan Province (Vietnam)

**Phạm Hùng Cường, Phạm Thị Liên.** Nghiên cứu điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất thành phố Hạ Long hướng tới xây dựng đô thị sinh thái

**Đoàn Trung Đức, Nguyễn Hồng Phương, Phan Thành Đạt, Vũ Thị Phương Hoa.** Ứng dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu và GIS trong đánh giá tính hợp lý về vị trí không gian của các đối tượng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

**Lê Tiến Đạt.** Biến đổi đường bờ liên quan đến biến đổi khí hậu

**Ngô Trung Dũng.** Phân tích cấu trúc rừng ngập mặn xã Đông Rui – huyện Tiên Yên – tỉnh Quảng Ninh

**Trương Thị Dung.** Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững chăn nuôi hộ gia đình khu vực xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

**Nguyễn Thị Hương Giang, Đặng Thị Dung, Trần Thị Trang Linh.** Thị trường nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Hà Nội: thực trạng và giải pháp

**Nguyễn Lê Giang, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Hồng Phương.** Nghiên cứu đặc điểm phân bố và thực trạng phát triển của hệ thống trường mầm non, mẫu giáo trên địa bàn hai phường Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

**Nguyễn Danh Hội.** Cảnh báo sụt lún đất liên quan với Karst khu vực Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở phân tích địa mạo

**Trịnh Minh Hồng.** Ứng dụng công nghệ ảnh số và GIS nghiên cứu biến động sử dụng đất xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 2003-2013

**Lê Thu Hảo, Lê Thu Thủy, Lê Hồng Thu.** Sử dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để thành lập bản đồ cây xanh đô thị tại khu vực hồ Hoàn Kiếm.

**Nguyễn Thúy Hiền.** Ứng dụng GIS với sự tham gia của cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tai biến thiên nhiên ở xã Bản Hồ - huyện Sapa, Lào Cai

**Nguyễn Tấn Hòa.** Nghiên cứu giải pháp "chia nhỏ căn hộ" cho thị trường bất động sản nước ta hiện nay

**Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Liên.** Nghiên cứu chính sách đất đai trong thu hút đầu tư nước ngoài ở nước ta và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách

**Phạm Thị Tám Hương, Hoàng Duy Khánh.** Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ trượt lở đất huyện Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái trên cơ sở ứng dụng viễn thám - GIS

**Đặng Hữu Liệu, Lê Thị Khánh Hòa, Phạm Tiến Đạt.** Thực trạng và giải pháp hạn chế ảnh hưởng của bẫy nghèo đói trong quá trình đô thị hóa tại huyện Từ Liêm, Hà Nội

**Nguyễn Bùi Mai Liên, Đào Thùy Linh, Nguyễn Huy Hoàng.** Xây dựng mô hình quy hoạch sử dụng đất gắn với chương trình nông thôn mới tại xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình,

tỉnh Bắc Ninh

**Trương Văn Lượng.** Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2013 và bản đồ biến động sử dụng đất giai đoạn 2005 – 2013 với sự trợ giúp của phần mềm ArcGIS (thử nghiệm tại xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên)

**Phan Thị Minh.** Bước đầu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới môi trường các huyện gần biển tỉnh Nam Định với sự trợ giúp của công nghệ viễn thám và GIS

**Phạm Phương Nguyên, Lê Tố Uyên.** Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống đảo Trường Sa của Việt Nam

**Lê Thị Hồng Phượng.** Bước đầu tìm hiểu một số phương pháp nghiên cứu biến động đường bờ

**Nguyễn Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hồ Thị Xuân.** Phân công lao động theo giới giữa dân tộc H'mông và dao tại hai thôn Sả Sếng và Lử Khẩu, xã Tả Phìn, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai

**Bùi Thanh Phong.** Ứng dụng mô hình quá trình phân tích thứ bậc (AHP) xác định các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

**Nguyễn Thị Phương.** Tiến hóa địa mạo khu vực nội thành Hà Nội giai đoạn đệ tứ và mối quan hệ của chúng với tài nguyên khoáng sản

**Nguyễn Thu Phương.** Bước đầu nghiên cứu sự hình thành, phát triển và định hướng sử dụng hợp lý các hồ nước khu vực phía tây Hà Nội.

**Nguyễn Thị Trang.** Đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường xã Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh

**Hoàng Văn Trọng.** Bước đầu phân tích cấu trúc thảm thực vật xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

**Trần Đức Việt.** Nghiên cứu xây dựng hệ thống WebGIS mã nguồn mở phục vụ giao dịch về bất động sản (thử nghiệm tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)

**Chu Thị Hà Vân, Phạm Thị Ngọc Quỳnh.** Đánh giá thực trạng thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận tại huyện Anh Sơn tỉnh Nghệ An

**Hồ Thị Xuân.** Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

**Vũ Thị Xuyên.** Nghiên cứu đánh giá hiện trạng chất thải rắn huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

## **A best practice analysis on desertification adaptation measures in Bac Binh and Tuy Phong districts, Binh Thuan Province (Vietnam)**

*Student: Phan Nguyễn Ngọc Ánh*

*Supervisors: Dr. Le Trinh Hai (IG, VAST, Vietnam)*

*Prof. Dr. Luc Hens (VITO, Belgium)*

*Class: K54 Geography*

Problem in context: Binh Thuan, in the Southern Coastal part of Centre Vietnam, is one of the provinces affected the most by desertification in Vietnam. The climate condition characterized by low rainfall and high evaporation, combined with damaging and inefficient human activities, have seriously threatened land cover in the province. Moreover, most human activities in the province such as farming, water storage and tourism are, in turn, affected by desertification. The area that is suffer from most severe desertification is the upper North-East part which includes Bac Binh and Tuy Phong districts.

Despite the harsh natural condition, the local community including both the people and the government have long learned to adapt to have a decent life. Applying best practice analysis with data from both field investigation and expert interview, the research is able to identify diverse adaptation measures that have been taken. Institutional measures focus on planning and construction projects such as constructing dams and irrigation system, planning afforestation and reforestation area and investing on technology researches. On the other hand, local people adapt to desertification by developing suitable and diverse crops, storing rainwater and applying water saving irrigation methods. The efforts from both local government and local people help stabilize and gradually improve local community life standard.

However, each of these measures have been taking quite separately among a small local area or a single institution, for instance, sub-department of forestry. Many worthy practices need to be shared to a larger region. Integrated management which involve multiple institutions need to be applied in order to have a best result in fighting desertification. Furthermore, the development of tourism, and agricultural development would bring along the threads of over exploitation of nature resources such as water, forest and land, thus worsen desertification. These elements need to be taken into consideration in any level so that a sustainable development is achieved.

# **Nghiên cứu điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất thành phố Hạ Long hướng tới xây dựng đô thị sinh thái**

*Sinh viên thực hiện: Phạm Hùng Cường, Phạm Thị Liên*

*Lớp: K54 Địa chính*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Trần Văn Tuấn*

*ThS. Nguyễn Xuân Sơn*

Đô thị sinh thái là một đô thị đảm bảo sự cân bằng với thiên nhiên, đảm bảo dân cư có một môi trường sống tốt nhưng sử dụng tối thiểu các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đô thị có mật độ thấp, trung bình đến cao, được giới hạn về không gian và được phân cách bởi các không gian xanh (nguồn: *Tổ chức sinh thái đô thị Úc*). Dựa trên khái niệm này ta nhận thấy đô thị sinh thái có nhiều ưu việt hơn so với một đô thị thông thường: đảm bảo không gian sống tốt hơn, tiêu thụ nhiên liệu ít hơn, ít can thiệp và ảnh hưởng đến môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

Hạ Long là một đô thị có nhiều tiềm năng để xây dựng đô thị sinh thái: diện tích cây xanh tương đối lớn 3.7% trên tổng diện tích tự nhiên. Hơn thế nữa đây là một đô thị có cảnh quan thiên nhiên đẹp nằm trong tổng thể của vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận, nhận được nhiều sự quan tâm và đầu tư của Đảng và Nhà nước nhằm quảng bá cho hình ảnh của Việt Nam. Tuy nhiên hiện trạng sử dụng đất cũng như định hướng quy hoạch sử dụng đất của Hạ Long còn nhiều bất cập đối với tiêu chí của một đô thị sinh thái: diện tích đất khu công nghiệp vẫn còn lớn, phương án quy hoạch đất ở can thiệp và tác động sâu sắc tới môi trường tự nhiên. Nghiên cứu này bước đầu đã tổng hợp và đề xuất một số tiêu chí chính của một đô thị sinh thái, trên cơ sở những tiêu chí này đề xuất một số điều chỉnh trong định hướng quy hoạch sử dụng đất của Hạ Long nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng Hạ Long thành một đô thị sinh thái.



# **Ứng dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu và GIS trong đánh giá tính hợp lý về vị trí không gian của các đối tượng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện**

*Sinh viên thực hiện: Đoàn Trung Đức, Nguyễn Hồng Phương  
Phan Thành Đạt, Vũ Thị Phương Hoa*

*Lớp: K55 Địa chính*

*Người hướng dẫn: PGS. TS Trần Quốc Bình, ThS. Lê Phương Thúy*

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai luôn là yêu cầu cấp thiết nhằm phân bổ hợp lý đất đai cho các mục đích, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện tốt quy hoạch thì việc xem xét sự hợp lý của các phương án cần được áp dụng theo nhiều chỉ tiêu đánh giá và có định lượng cụ thể. Nhưng hiện nay công việc này vẫn còn mang nhiều định tính nên độ tin cậy chưa cao. Để giải quyết điều đó thì phương pháp phân tích đa chỉ tiêu cùng với hệ thống thông tin địa lý (GIS) là sự lựa chọn rất hợp lý. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu để xác định trọng số ảnh hưởng của các yếu tố tới quy hoạch sử dụng đất cấp huyện cho 3 mục đích là đất ở, đất khu công nghiệp và đất cơ sở giáo dục đào tạo. Cùng với đó là sử dụng các công cụ phân tích không gian rất mạnh của GIS để thực hiện các bước phân tích vùng đệm và mạng lưới. Kết quả của nghiên cứu là xây dựng được quy trình ứng dụng GIS và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu trong đánh giá tính hợp lý về vị trí không gian cho các đối tượng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Trên cơ sở đó ứng dụng để đánh giá cho 3 đối tượng quy hoạch là đất ở, đất khu công nghiệp và đất cơ sở giáo dục đào tạo (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) trên địa bàn huyện Đông Anh. Kết quả này có thể là một tài liệu cho các cơ quan lập quy hoạch sử dụng đất tham khảo để từ đó có những điều chỉnh sao cho hợp lý.



## **Biến đổi đường bờ liên quan đến biến đổi khí hậu**

*Sinh viên thực hiện: Lê Tiến Đạt*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Vũ Văn Phái*

Đới bờ biển là môi trường đa dạng và nhạy cảm nhất trong các đới cảnh quan, nơi đây có sự giao lưu tiếp xúc của tất cả các quyển trên Trái Đất. Hiện nay, xói lở bờ biển đang ngày càng gia tăng do tác động gián tiếp từ biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, băng tan, mực nước biển dâng cao ... Sức ép trên đới bờ biển ngày một lớn do

những hình thức sử dụng như khai thác tài nguyên, xây dựng cơ sở hạ tầng, du lịch, khu bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học. Do đó, nhu cầu về các thông tin chính xác liên quan đến xu thế và tốc độ dịch chuyển đường bờ cả trong quá khứ, hiện nay và trong những năm tới ngày càng tăng, cũng như để phân tích toàn diện sự dịch chuyển này cho các vùng khác nhau là rất cần thiết và cấp bách.

Đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề xói lở bờ biển để đưa ra các phương pháp giúp giảm thiểu và hạn chế sự tác động của các nhân tố tự nhiên đến đường bờ biển. Trong đó, việc nghiên cứu về biến đổi khí hậu tác động đến biến đổi bờ biển cũng rất quan trọng. Vì thế bài báo cáo này tập trung làm rõ tác động gián tiếp của biến đổi khí hậu đến xói lở đường bờ thông qua sự gia tăng các cơn bão và mực nước biển dâng.



## **Phân tích cấu trúc và đề xuất mô hình sử dụng hợp lý, bảo vệ rừng ngập mặn xã Đồng Rui, Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Ngô Trung Dũng*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: TS Nguyễn Đăng Hội, TS Nguyễn An Thịnh*

Xã Đồng Rui nằm trong khu vực bồi tụ ven biển của huyện Tiên Yên và chịu tác động đồng thời của sông Ba Chẽ và Tiên Yên. Theo thống kê năm 2006 thì tổng diện tích rừng ngập mặn (RNM) tự nhiên của toàn tỉnh Quảng Ninh là 18.320ha, trong đó Tiên Yên là một trong những huyện có diện tích RNM lớn nhất ở Quảng Ninh, được ước tính trên 2.600 ha, tập trung chủ yếu ở xã Đồng Rui. Hệ sinh thái RNM xã Đồng Rui được đánh giá có độ đa dạng sinh học cao và đặc trưng cho khu vực phía Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, do sự khai thác chưa hợp lý mà RNM xã Đồng Rui đang bị suy giảm nghiêm trọng cả về diện tích lẫn độ đa dạng sinh học. Bởi vậy, việc phân tích cấu trúc RNM để đưa ra các giải pháp sử dụng hợp lý và các mô hình bảo vệ đa dạng sinh học RNM là một vấn đề cấp thiết. Nghiên cứu đã đạt được các kết quả sau:

- Hiện trạng cấu trúc phân bố và hình thái, sự biến động RNM xã Đồng Rui
- Hiện trạng sử dụng RNM của chính quyền và người dân địa phương, những thách thức về bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý RNM.
- Các giải pháp và các mô hình sử dụng hợp lý cũng như bảo tồn đa dạng sinh học RNM xã Đồng Rui

# **Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững chăn nuôi hộ gia đình khu vực xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Trương Thị Dung*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: GS.TS Trương Quang Hải*

*ThS. Dư Vũ Việt Quân*

An Sinh là một xã miền núi của huyện Đông Triều. Ngành nông nghiệp ở xã có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế, trong đó chăn nuôi trang trại đang có xu thế phát triển mạnh. Tuy nhiên, trong xã hiện nay có ít cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung quy mô lớn mà chủ yếu quy mô hộ gia đình, phân tán, nhỏ lẻ. Tình trạng không thu gom và xử lý các chất thải trong chăn nuôi khá phổ biến gây tác động xấu tới môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

Nội dung chính của nghiên cứu là phân tích hiện trạng và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững chăn nuôi hộ gia đình ở An Sinh. Kết quả điều tra cho thấy, năm 2012, tổng đàn trâu, bò của xã gồm có 577 con, trong đó có 394 con trâu và 183 con bò vàng; đàn bò sữa có 52 con, nhiều nhất là đàn lợn có 8551 con. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng khoảng hơn 300.000 kg, chiếm tỷ trọng 66,6% trong tổng giá trị của ngành chăn nuôi, các loại gia súc khác và gia cầm (trâu, bò, gà, vịt,...) chiếm 33,4%. Năm 2011, trên địa bàn xã xuất hiện dịch lợn tai xanh, với số lượng hơn 10.000 con mắc bệnh trong 11 thôn. Đối với các hộ chăn nuôi nhỏ, chuồng trại xây dựng không kín và gần nhà, không đảm bảo vệ sinh, không thu gom chất thải chăn nuôi thường xuyên làm ô nhiễm môi trường không khí và nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Đối với các hộ chăn nuôi theo quy mô trang trại, chuồng được xây dựng kín, có hệ thống làm mát, có hệ thống quạt thông gió (hút mùi), thì nguồn gây ô nhiễm chủ yếu từ các bể thu gom phân và nước tiểu. Chất thải chăn nuôi không những làm nhiễm bản nguồn nước mặt, mà còn lan truyền gây ô nhiễm môi trường không khí trên diện rộng. Trên cơ sở phân tích các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường của hoạt động chăn nuôi, đã đề xuất các giải pháp cải thiện chất lượng môi trường và phát triển chăn nuôi ở xã An Sinh theo hướng bền vững.

## **Thị trường nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Hà Nội thực trạng và giải pháp**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Hương Gian  
Đặng Thị Dung, Trần Thị Trang Linh  
Lớp: K55 Địa chính  
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Trần Văn Tuấn  
KS Phạm Sỹ Liêm*

Nhà ở là một tài sản có giá trị đặc biệt to lớn đối với đời sống mỗi con người, mỗi gia đình trong xã hội. Để có thể duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống thì điều kiện cơ bản không thể thiếu của mỗi người đó là phải có chỗ ở ổn định. Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của con người là một trong những quyền cơ bản của mọi công dân được Hiến pháp ghi nhận.

Hiện nay xu thế dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị cùng với quá trình đô thị hóa không ngừng và sự gia tăng dân số của Việt Nam khiến cho vấn đề nhà ở ngày càng trở nên cấp thiết. Một thực tế là tại các thành phố lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, phần lớn những người có việc làm không ổn định, thu nhập thấp không thể mua nhà hay thậm chí là thuê nhà để ở.

Để giải quyết các nhu cầu của nhân dân, đã có rất nhiều dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ nhiều năm nay. Các dự án xây dựng nhà cho người thu nhập thấp được Nhà nước đầu tư và có nhiều ưu đãi cho các chủ dự án xây dựng. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn quá nhiều bất cập phản hồi từ nhân dân về chất lượng, giá cả và các vấn đề xung quanh những ngôi nhà dành cho người thu nhập thấp. Vấn đề này chưa được quan tâm và giải quyết thỏa đáng khiến cho một bộ phận dân cư còn sống trong tâm thế lo lắng về nhà ở - về một nhu cầu thiết yếu của cuộc sống.

Nghiên cứu tập trung nghiên cứu vào thực trạng công tác giải quyết các vấn đề nhà ở cho người thu nhập thấp ở Việt Nam và đề xuất ra một số giải pháp nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định của thị trường.



**Nghiên cứu đặc điểm phân bố và thực trạng phát triển của  
hệ thống trường mầm non, mẫu giáo trên địa bàn hai phường Trung Hòa –  
Nhân Chính, thành phố Hà Nội**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Lệ Giang, Nguyễn Thị Nhạn  
Nguyễn Hồng Phượng*

*Lớp: K55 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: TS Nguyễn Thị Hà Thành  
TS Vũ Kim Chi*

Trên thế giới hiện nay, chỉ tiêu phát triển về kinh tế không phải là nhân tố duy nhất, mà còn phải dựa vào cả khía cạnh tuổi thọ và chất lượng giáo dục để đánh giá chất lượng cuộc sống của con người mỗi vùng, mỗi nước. Nó cho thấy sự nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của nền giáo dục. Giáo dục mầm non có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là bước khởi đầu cho cả một quá trình giáo dục và phát triển về thể chất, trí lực của trẻ. Nói theo một phương diện nào đó, thì có thể coi sự phát triển của giáo dục mầm non là một trong những chỉ tiêu để đánh giá tầm phát triển và sự cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Hà Nội là thủ đô, là trung tâm kinh tế-văn hóa-xã hội-chính trị, với sự phát triển đi đầu của hệ thống giáo dục mầm non so với cả nước. Trong tiến trình phát triển của thành phố về phía đông, đông-nam, Trung Hòa (Cầu Giấy, Hà Nội) và Nhân Chính (Thanh Xuân, Hà Nội) là hai phường diễn ra quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, cùng với nó là sự nở rộ về số lượng và nâng cao về chất lượng các trường mầm non, mẫu giáo. Nghiên cứu này đã cho thấy thực trạng phát triển của hệ thống mầm non, mẫu giáo trên địa bàn hai phường Trung Hòa, Nhân Chính, qua đó để đánh giá về trình độ phát triển kinh tế và tầm nhận thức của người dân Hà Nội đối với giáo dục.

Gắn việc nghiên cứu hệ thống giáo dục mầm non trong định vị không gian theo hướng tiếp cận của địa lý giáo dục, nghiên cứu dự kiến các kết quả đạt được bao gồm: phân tích thực trạng số lượng, loại hình, mức học phí, quy mô, và chất lượng của các trường mầm non, mẫu giáo trên địa bàn phường Trung Hòa-Nhân Chính; đánh giá mức thu nhập (một cách tương đối) của người dân Hà Nội (thông qua mức học phí và quy mô của các trường); đánh giá sự phát triển theo khu vực ở Trung Hòa – Nhân Chính thông qua đặc điểm phân bố của mạng lưới các trường mầm non, mẫu giáo; đánh giá nhận thức của người dân Hà Nội đối với tầm quan trọng của giáo dục mầm non (thông qua sự sẵn sàng chi trả cho giáo dục mầm non); cùng hệ thống bản đồ về sự phân bố các trường mầm non, mẫu giáo theo các loại hình, theo quy mô.

# **Cảnh báo sụt lún đất liên quan với Karst khu vực Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở phân tích địa mạo**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Danh Hội*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đặng Văn Bào*

Trên lãnh thổ Việt Nam, địa hình karst chiếm khoảng 60.000 km<sup>2</sup>, có ý nghĩa rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Trong điều kiện nhiệt đới ẩm, quá trình karst đã tạo nên những cảnh quan nổi tiếng, mang nhiều giá trị về thẩm mỹ, khoa học nổi bật không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Bên cạnh đó, quá trình karst cũng tiềm ẩn rất nhiều tai biến nguy hiểm, một trong số đó là hiện tượng sụt đất.

Huyện Thanh Ba – Phú Thọ nằm cách nội thành Hà Nội hơn 100km về phía Tây Bắc. Khu vực này có diện tích lớn cấu tạo bởi đá vôi. Thực tế cho thấy hiện tượng sụt lún ở đây xảy ra rất nhiều, cụ thể là nhiều vụ sụt đất đã xảy ra từ những năm 1990, đặc biệt nghiêm trọng ở những năm 2000 – 2005. Chỉ riêng trong năm 2012 vừa qua đã có tới hơn 400 hộ dân có nguy cơ phải di dời vì tai biến sụt đất. Hiện nay, đã có một số công trình nghiên cứu về dạng tai biến này tại khu vực, tuy nhiên mới chỉ đề cập về vấn đề địa chất là chủ yếu mà vấn đề địa mạo vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Những kết quả nghiên cứu ban đầu ở Thanh Ba cho thấy hiện tượng sụt lún tại đây liên quan đến hiện tượng karst ngầm với sự mất vật chất do vật liệu bị hút vào các dòng chảy ngầm. Để đánh giá tai biến sụt đất ở vùng karst ở khu vực Thanh Ba, đề tài đã lựa chọn nghiên cứu thông qua cách tiếp cận địa mạo. Bằng việc xây dựng bản đồ địa mạo khu vực và sử dụng các tài liệu khác như sơ đồ địa chất, địa vật lý, đề tài tìm hiểu mối liên quan giữa tai biến sụt đất với các dạng địa hình, từ đó xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ xảy ra tai biến sụt đất tại khu vực trên cơ sở địa mạo.



## **Ứng dụng công nghệ ảnh số và GIS nghiên cứu biến động sử dụng đất xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 2003-2013**

*Sinh viên thực hiện: Trịnh Minh Hồng  
Lớp: K54 Công nghệ Địa Chính  
Giáo viên hướng dẫn: ThS. Lê Phương Thúy*

Quá trình đô thị hóa đang ngày càng phát triển ở nước ta và các mục đích sử dụng đất luôn luôn biến động để đáp ứng những thay đổi phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Nghiên cứu biến động sử dụng đất là một trong những nhiệm vụ của quản lý đất đai nhằm đánh giá được xu hướng sử dụng đất vào từng mục đích cụ thể và là tài liệu để phục vụ công tác định hướng quy hoạch sử dụng đất.

Nghiên cứu này trình bày các phương pháp đánh giá biến động sử dụng đất, trên cơ sở đó đánh giá biến động sử dụng đất khu vực xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2003-2013 bằng công nghệ ảnh số và GIS. Từ năm tấm ảnh hàng không bay chụp năm 2003 và 1 tấm ảnh vệ tinh độ phân giải cao được chụp năm 2012, nghiên cứu tiến hành thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất khu vực xã Cổ Nhuế các năm 2003 và 2013. Sau đó công nghệ GIS được sử dụng để đánh giá biến động sử dụng đất xã Cổ Nhuế giai đoạn 2003-2013. Kết quả cho thấy đây là một phương pháp hiệu quả, áp dụng công nghệ hiện đại có nhiều ưu điểm vượt trội so với các phương pháp truyền thống như tiết kiệm được thời gian, chi phí, sức lao động, đảm bảo độ chính xác theo yêu cầu.



### **Sử dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để thành lập bản đồ cây xanh đô thị tại khu vực hồ Hoàn Kiếm.**

*Sinh viên nghiên cứu: Lê Thu Hảo, Lê Thu Thủy, Lê Hồng Thu  
Lớp: K55 Địa chính  
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Phạm Văn Cự*

Cây xanh có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cân bằng môi trường sống, đặc biệt là các khu dân cư đông đúc. Nằm ở trung tâm thủ đô Hà Nội, giữa nơi tập trung dân cư đông đúc và là địa điểm tham quan, du lịch và dạo chơi của Hà Nội, Hồ Gươm là nơi có các cây xanh được trồng từ 1893 khi con đường vòng quanh Hồ Gươm (phố Đinh Tiên Hoàng, Hàng Khay, Lê Thái Tổ ngày nay) được hoàn thành.

Lúc đó cây ở các làng đã bị chặt hạ và chính quyền thành phố đã cho trồng mới các loại cây quanh hồ để lấy bóng mát và làm cho Hồ Gươm.

Với lịch sử lâu đời và ý nghĩa như vậy nên việc quản lý diện tích cây xanh và ở khu vực Hồ Gươm Hà Nội là vấn đề cần quan tâm trong công tác quản lý cây xanh. Việc đánh giá hiện trạng lớp phủ cây xanh ở Hồ Gươm đặc biệt là chủng loại, số lượng và diện tích tán lá là cần thiết cho các nhà quản lý đô thị. Do tán lá là đối tượng chỉ có thể đo từ trên không được thôi nên cần thiết phải sử dụng các ảnh chụp hàng không hoặc ảnh vệ tinh độ phân giải cao. Tuy nhiên, ảnh hàng không lại không có thể cung cấp thông tin về chỉ số thực vật, là chỉ số chỉ thị trạng thái của tán lá, nên việc sử dụng ảnh vệ tinh đa phổ là cần thiết. Nghiên cứu thực hiện một số phương pháp sau:

- Chiết tách thông tin về tán lá cây xanh bằng phân loại định hướng đối tượng (Sử dụng phần mềm eCognition)
- Xác định vị trí của cây bằng GPS và xác định tên của từng loại cây xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm
- Xây dựng bản đồ tán cây xanh khu vực Hồ Gươm (sử dụng phần mềm Arcgis).

Trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu, một số kết quả đạt được bao gồm:

- Thành lập được bản đồ cây xanh khu vực quanh hồ Gươm
- Tổng diện tích tán lá cây
- Tổng diện tích tán lá phủ mặt nước



## **Ứng dụng GIS với sự tham gia của cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tai biến thiên nhiên ở xã Bản Hồ - huyện Sapa, Lào Cai**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thúy Hiền*

*Lớp: K54 Địa Lý*

*Giáo viên hướng dẫn: TS Vũ Kim Chi*

Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên đã và đang là vấn đề cấp thiết và phổ biến trên toàn thế giới, ảnh hưởng mọi mặt của cuộc sống chúng ta. Việt Nam bị đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên. Dân số nước ta, phần lớn sống ở khu vực nông thôn, miền núi và vùng biển, sinh kế của họ chủ yếu dựa vào khí hậu và điều kiện tự nhiên. Vì vậy, một khi các hiểm họa xảy ra sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Nghiên cứu bước đầu tìm hiểu về các hiện tượng biến đổi khí hậu, tai biến thiên nhiên trong đó ứng dụng phương pháp GIS với sự tham gia của cộng đồng tại xã miền núi Bản Hồ - Sapa- Lào Cai, tạo bản đồ về nơi

nguy cơ dễ xảy ra các hiện tượng biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên. Từ đó, chính quyền và cộng đồng trong khu vực nghiên cứu áp dụng việc thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tai biến thiên nhiên tại khu vực nghiên cứu.



## **Nghiên cứu giải pháp "chia nhỏ căn hộ" cho thị trường bất động sản nước ta hiện nay**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Tấn Hòa*  
*Lớp: K54 Địa chính*  
*Giáo viên hướng dẫn: CVC. Phạm Minh ĐỀ*  
*ThS. Trịnh Thị Kiều Trang*

Thị trường bất động sản Việt Nam là một thị trường trẻ, đang trong giai đoạn hoàn thiện nên rất nhạy cảm và chưa ổn định. Trước bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, sự phát triển ồ ạt thiếu định hướng khiến thị trường bất động sản nước ta đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thực trạng đóng băng kéo dài đang gây thiệt hại lớn cho các doanh nghiệp cũng như nền kinh tế chung cả nước. Nhiều người không có nhà ở trong khi hàng chục ngàn căn hộ chung cư đang "đắp chiếu" bỏ không từ năm này qua năm khác. Tình trạng tồn kho căn hộ chung cư đang diễn ra ở nhiều nơi, nhất là ở thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Yêu cầu đặt ra hết sức cấp bách là cần phải tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, đưa thị trường trở về trạng thái ổn định và phát triển bền vững. Nhiều giải pháp đã được đặt ra trong đó giải pháp "chia nhỏ căn hộ" đang gây được sự chú ý cùng với nhiều tranh cãi.

Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng tồn kho về phân khúc nhà ở của thị trường bất động sản; thuận lợi và khó khăn khi áp dụng giải pháp chia nhỏ căn hộ đối với thị trường bất động sản nói riêng và công tác quản lý đất đai nói chung, từ đó đề xuất phương hướng áp dụng để giải pháp đạt được hiệu quả tốt nhất, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản hiện nay./.



## **Nghiên cứu chính sách đất đai trong thu hút đầu tư nước ngoài ở nước ta và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Liên*

*Lớp: K55 Địa chính*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS. TS Trần Văn Tuấn  
ThS. Trịnh Thị Kiều Trang*

Đất đai là nguồn vốn, nguồn nội lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trong những năm gần đây, nước ta đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, bằng cả nội lực cũng như thu hút các nguồn lực bên ngoài. Để thu hút đầu tư Nhà nước ta đã có những chính sách cởi mở, thông thoáng và thực sự đã đem lại nhiều hiệu quả, đặc biệt là chính sách đất đai đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng khá mạnh qua các năm, đang đóng góp một phần rất lớn vào GDP nước ta, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi bộ mặt từ nông thôn tới thành thị. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện các chính sách đất đai đối với các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài chưa đạt được kết quả cao, còn nảy sinh nhiều vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng đất; quy định đối tượng được sử dụng đất, sở hữu nhà ở, kinh doanh bất động sản trong các Luật có sự khác biệt; khác biệt về quyền và nghĩa vụ giữa các đối tượng sử dụng đất trong nước và nước ngoài; giá khi giao đất, cho thuê đất v.v..

Nghiên cứu tập trung vào chính sách đất đai đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ đất của các tổ chức kinh tế có yếu tố nước ngoài. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện chính sách thu hút và tăng hiệu quả của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài nói chung, hoàn thiện chính sách đất đai nhằm bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa tổ chức kinh tế trong nước và tổ chức kinh tế nước ngoài nói riêng và các giải pháp cụ thể để giải quyết những vấn đề còn tồn tại nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất của các nhà đầu tư nước ngoài.



## **Xây dựng bản đồ hiện trạng trượt lở đất huyện Bát Xát – tỉnh Lào Cai trên cơ sở ứng dụng viễn thám - GIS**

*Sinh viên thực hiện: Phạm Thị Tâm Hương*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu*

Tai biến trượt lở đất (TLĐ) ở nước ta diễn ra rất phổ biến, nhất là vào mùa mưa lũ và thường xảy ra mạnh ở vùng núi phía Bắc mà Lào Cai là một trong những tỉnh nằm trong khu vực đó. TLĐ gây thiệt hại không chỉ về tính mạng con người mà còn phá hủy cơ sở vật chất (như phá hủy nhiều đoạn đường giao thông quan trọng) cũng như ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Nhằm giảm thiểu những thiệt hại mà tai biến trượt lở đất có thể gây ra, một trong những nội dung quan trọng cần thực hiện đó là cảnh báo khu vực có nguy cơ phát sinh tai biến này. Đề tài sử dụng thế mạnh của việc ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) kết hợp nghiên cứu địa mạo để xây dựng bản đồ hiện trạng trượt lở đất huyện Bát Xát – Lào Cai.

Hiện trạng trượt lở đất trong khu vực nghiên cứu được xác lập thông qua việc phân tích tư liệu ảnh viễn thám. Cơ sở kiến thức địa mạo giúp ta hiểu được bản chất của trượt đất từ đó xác định được dấu hiệu nhận biết các vết trượt trên ảnh viễn thám. Dựa trên tài liệu thu thập được về trượt lở trên địa bàn khu vực cùng với dấu hiệu nhận biết, xác định vết trượt lở trên ảnh viễn thám. Sử dụng GIS tích hợp các dữ liệu về độ cao, chia cắt sâu và các vết trượt đã xác định để kiểm định chính xác hơn. Kết quả thu được là bản đồ hiện trạng trượt lở đất huyện Bát Xát với các vết trượt tập trung chủ yếu ở các xã Mường Hum, Phìn Ngan, Cốc Mỷ.



## **Thực trạng và giải pháp hạn chế ảnh hưởng của bẫy nghèo đói trong quá trình đô thị hóa tại huyện Từ Liêm, Hà Nội**

*Sinh viên thực hiện: Đặng Hữu Liệu, Lê Thị Khánh Hòa: K55 Địa lý*

*Phạm Tiến Đạt: K56 Địa Chính*

*Giáo viên hướng dẫn: TS Nguyễn An Thịnh*

Huyện Từ Liêm là khu vực có tốc độ đô thị hóa mạnh trong những năm gần đây. Đô thị hóa nhanh như vậy đã dẫn tới nhiều hệ lụy xã hội khác nhau, trong đó có nghèo đói và tình trạng rơi vào bẫy nghèo. Đối với các hộ dân không có nội lực mạnh mẽ, vốn địa lý đủ không đủ mạnh và nhà nước không có những chính sách

hợp lý thì đây là những đối tượng rất dễ rơi vào bẫy nghèo. Nghiên cứu đã sử dụng lý thuyết về bẫy nghèo đối cùng với các phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp nghiên cứu trong địa lý để làm rõ vấn đề.

Các kết quả nghiên cứu chính bao gồm:

- Bản đồ thực trạng nghèo đói của huyện Từ Liêm.
- Đánh giá năng lực nội tại và vốn địa lý của các hộ nghèo thông qua điều tra xã hội học .
- Đánh giá ảnh hưởng và sự phân bố bẫy nghèo.
- Đề xuất giải pháp thoát khỏi bẫy nghèo



### **Xây dựng mô hình quy hoạch sử dụng đất gắn với chương trình nông thôn mới tại xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Bùi Mai Liên, Đào Thùy Linh*

*Nguyễn Huy Hoàng*

*Lớp: K55 Địa Chính*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Trần Văn Tuấn*

*ThS. Trịnh Thị Kiều Trang*

Phát triển nông thôn, nâng cao đời sống người dân là một nội dung quan trọng trong quá trình phát triển đất nước hiện nay. Sự phân hóa giữa đô thị và nông thôn, giữa giàu và nghèo đang có một khoảng cách dài, khu vực nông thôn gần như chưa được nhìn thấy tiềm năng để xây dựng và phát triển. Mục tiêu của quy hoạch xây dựng nông thôn mới là tạo lập được môi trường sống tốt cho người dân, sử dụng hợp lý đất đai, tài nguyên, đáp ứng các yêu cầu phát triển nông thôn bền vững. Do đó, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới là một mục tiêu rất quan trọng của nước ta. Với vị trí gần với trung tâm huyện Gia Bình, xã Quỳnh Phú có điều kiện thuận lợi trong giao lưu và phát triển kinh tế; hướng phát triển của xã là Nông nghiệp hàng hoá – Dịch vụ kết hợp với việc bảo vệ môi trường. Nghiên cứu tập trung vào mối quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất và chương trình xây dựng nông thôn mới, phân tích hiện trạng và tiềm năng phát triển của địa phương, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất gắn với chương trình nông thôn mới tại xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh./.





## **Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2013 và bản đồ biến động sử dụng đất giai đoạn 2005 – 2013 với sự trợ giúp của phần mềm ArcGIS (thử nghiệm tại xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên)**

*Sinh viên thực hiện: Trương Văn Lượng*

*Lớp: K54 Công nghệ Địa chính*

*Giáo viên hướng dẫn: GVC. Nguyễn Thị Thanh Hải*

Trong quá trình thực hiện công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, thực tế đó làm cho quản lý đất đai có nhiều biến động. Xã Nghĩa Dân là một trong những xã đi đầu trong việc xây dựng nông thôn mới của huyện Kim Động – tỉnh Hưng Yên. Trong những năm qua, do yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và quá trình phát triển đô thị hóa nên tình hình sử dụng đất của xã có nhiều biến đổi nhất là khu vực trung tâm xã. Với mục tiêu nghiên cứu quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính, qua đó nghiên cứu biến động sử dụng đất xã Nghĩa Dân giai đoạn 2005-2013 trên cơ sở ứng dụng công nghệ GIS để thành lập bản đồ hiện trạng và bản đồ biến động sử dụng đất. Kết quả là nghiên cứu đã đưa ra quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính, từ đó thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005, năm 2013 xã Nghĩa Dân. Từ 2 bản đồ hiện trạng sử dụng đất, xây dựng bản đồ biến động sử dụng đất giai đoạn 2005 – 2013 và trên cơ sở đó đánh giá biến động sử dụng đất của xã Nghĩa Dân.



## **Bước đầu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới môi trường các huyện gần biển tỉnh Nam Định với sự trợ giúp của công nghệ viễn thám và GIS**

*Sinh viên thực hiện: Phan Thị Minh*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Ngọc Thạch*

Hiện nay, biến đổi khí hậu đang là chủ đề được toàn nhân loại quan tâm. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, gây nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến nông nghiệp, gây rủi ro lớn đối với công nghiệp và các hệ thống kinh tế- xã hội trong tương lai. Tỉnh Nam Định có địa hình tương đối bằng phẳng, nhiều vùng thấp trũng đặc biệt là khu vực các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Trực Ninh, Xuân Trường có nguy cơ ngập lụt cao, với 72km đường bờ biển là nơi chịu tác động nặng nề của BĐKH mà trực tiếp là nước biển dâng gây ra tăng hiện tượng xâm nhập mặn, ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân. Với mục tiêu

chính của nghiên cứu là thành lập bản đồ xâm nhập mặn theo kịch bản nước biển dâng cho Việt Nam dưới sự trợ giúp của công nghệ viễn thám. Trong quá trình thực hiện, phương pháp phân loại phổ theo thuật toán Maximum likelihood đã được thực hiện để phân loại ảnh Spot với mục đích thành lập bản đồ lớp phủ. Với các tài liệu thu thập được của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định về hiện trạng và theo kịch bản biến đổi khí hậu, bản đồ xâm nhập mặn của khu vực được thành lập với biên mặn 1-4‰ thay đổi theo mùa. Tiến hành chồng xếp và sử dụng GIS phân tích, kết quả cho các thông tin về hiện tại và dự báo về xâm nhập mặn ở mức độ khác nhau tác động đến các loại hình lớp phủ -sử dụng đất trong khu vực.

Kết quả của nghiên cứu sẽ chỉ ra ứng dụng của viễn thám và GIS trong nghiên cứu hiện tượng xâm nhập mặn theo kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại khu vực các huyện gần biển thuộc tỉnh Nam Định. Sẽ là tài liệu tham khảo cho công tác quy hoạch và định hướng ứng phó với hiện tượng xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.



## **Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống đảo Trường Sa của Việt Nam**

*Sinh viên thực hiện: Phạm Phương Nguyên, Lê Tố Uyên*

*Lớp: K55 Địa chính*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS. TS Nguyễn Ngọc Thạch*

Quần đảo Trường Sa, Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt trong các ngành kinh tế biển và an ninh quốc phòng. Hiện nay, các vấn đề chủ quyền về quần đảo đang là một chủ đề nóng còn gây nhiều tranh chấp trên khu vực biển Đông, do vậy cần nhiều hướng nghiên cứu cung cấp cơ sở dữ liệu nhằm khẳng định chủ quyền, nâng cao lòng yêu nước. Dựa trên các giải pháp GIS, cùng nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, đa dạng nghiên cứu đã hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu thử nghiệm, cung cấp thông tin khu vực nghiên cứu. Các kết quả chính của nghiên cứu bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu quần đảo Trường Sa
- Hệ thống cơ sở dữ liệu độ sâu, khí tượng , thủy văn
- Các bản đồ địa chất, địa mạo
- Các loại hình tai biến tự nhiên

## **Bước đầu tìm hiểu một số phương pháp nghiên cứu biến động đường bờ**

*Sinh viên thực hiện: Lê Thị Hồng Phượng  
Lớp: K54 Địa lý  
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Vũ Văn Phái*

Biến động đường bờ luôn là vấn đề “nóng” nhận được rất nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu, đặc biệt trong hoàn cảnh sức ép lên đới bờ biển ngày một gia tăng như hiện nay mà tác nhân tác động bao gồm nhiều yếu tố, trong đó có cả tự nhiên và nhân sinh, làm gia tăng sự biến động đường bờ theo chiều hướng tiêu cực. Việc áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu là rất cần thiết nhằm nâng cao hơn độ chi tiết cũng như độ chính xác cho những dự báo về xu thế biến đổi đường bờ, từ đó có kế hoạch quản lý đới bờ hợp lý, phục vụ cho sự phát triển bền vững, ổn định cả về mặt tự nhiên lẫn nhân sinh. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu biến động, đặc biệt là các phương pháp định lượng và bán định lượng cần phải có một sự xem xét đầy đủ cả mặt ưu và nhược điểm, điều kiện áp dụng để có thể sử dụng chúng một cách chính xác vào việc nghiên cứu ở đâu, nghiên cứu như thế nào và áp dụng ra làm sao.

Trên cơ sở tổng hợp tài liệu từ các nhà nghiên cứu trên thế giới cùng việc lấy quan điểm hệ thống làm cơ sở phương pháp luận, bài nghiên cứu được thực hiện với hai mục tiêu: (1) Nêu khái quát một số phương pháp nghiên cứu biến động đường bờ được sử dụng phổ biến từ trước đến nay (2) Đưa ra một số quan điểm mới nhất xoay quanh mô hình Bruun và khái niệm “Closure depth”, chỉ ra tính ứng dụng thực tiễn của mô hình này đối với việc nghiên cứu biến động đường bờ cho hiện tại và trong tương lai.



## **Phân công lao động theo giới giữa dân tộc H'mông và Dao tại hai thôn Sả Sếng và Lử Khẩu, xã Tả Phìn, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hồ Thị Xuân  
Lớp: K54 Địa Lý  
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Hải  
TS Nguyễn Thị Hà Thành*

Phân công lao động theo giới (PCLĐTG) là loại hình phân công lao động xã hội xuất hiện rất sớm trong lịch sử loài người. Chúng phản ánh bản chất quan hệ xã hội giữa phụ nữ và nam giới cũng như trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các xã hội khác nhau. PCLĐTG đang hàm chứa nhiều vấn đề cần được giải quyết như: sự đánh giá và nhìn nhận lệch lạc về đóng góp của người phụ nữ, thiếu tính khoa học trong sử dụng lao động nam – nữ, bất bình đẳng ngay trong phân công lao động đã làm hạn chế cơ hội phụ nữ có việc làm và có thu nhập cao... Trong những thập kỷ qua, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học và các nhà làm chính sách.

Tả Phìn là một xã vùng cao của huyện Sa Pa với 5 dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là dân tộc H'mông và Dao cùng nhiều nét văn hóa truyền thống riêng biệt. Về mặt truyền thống của người H'mông và người Dao, mọi công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức khoẻ dẻo dai đều do nam giới đảm nhiệm. Nam giới phải đảm nhiệm khâu cày, vỡ đất, săn bắn, khai nước, làm nhà, làm nghề rèn... còn các công việc tra hạt, làm cỏ, nội trợ, xe lanh, dệt vải thường là trách nhiệm của người phụ nữ. Sự phân công theo giới tính quá chặt chẽ đến mức người phụ nữ không thể làm các công việc của nam giới và ngược lại. Trong mối quan hệ xã hội, người chồng, người cha là chủ gia đình, đảm nhận cả chức năng chỉ đạo sản xuất và “đồi ngoại”. Nếu vắng mặt nam giới trong gia đình thì rất khó khăn cả trong sản xuất lẫn giao tiếp. Sự phát triển du lịch tại Tả Phìn trong thời gian qua đã ảnh hưởng tới sự phân công lao động theo giới của mỗi dân tộc mà cụ thể là sự thay đổi vai trò giữa vợ và chồng trong gia đình. Để thấy rõ sự tác động này, nghiên cứu tập trung tại địa bàn hai thôn Xả Sếng (có du lịch phát triển) và thôn Lử Khẩu (du lịch chưa phát triển). Bằng phương pháp điều tra xã hội học cụ thể là phỏng vấn sâu hộ gia đình và điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu đã nhận ra những sự khác biệt về phân công lao động theo giới dưới ảnh hưởng của du lịch. Qua đó cho thấy vai trò của người phụ nữ đã thay đổi, vị trí họ đã được đề cao, xu hướng bình đẳng giới đang dần được hình thành.



## **Ứng dụng mô hình quá trình phân tích thứ bậc (AHP) xác định các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Bùi Thanh Phong*  
*Lớp: K54 CLC Địa lý*  
*Giáo viên hướng dẫn: TS Nguyễn An Thịnh*  
*GS.TS Nguyễn Cao Huân*

Các vấn đề môi trường tại Việt Nam đang trở nên hết sức cấp bách, tuy nhiên để xác định được mức độ và tầm ảnh hưởng của vấn đề rất khó khăn. “Điểm nóng ô nhiễm môi trường” là một cách thức hữu hiệu trong việc xác định và đánh giá tác động gây ô nhiễm. Dựa trên mô hình quá trình phân tích thứ bậc (Analytic Hierarchy Process), nghiên cứu đã định lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng. Khu vực nghiên cứu được lựa chọn là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh- nơi có nhiều nguồn tài nguyên tự nhiên và tiềm năng phát triển kinh tế. Tuy nhiên bên cạnh những thế mạnh kinh tế là các vấn đề ô nhiễm môi trường. Do đó, nghiên cứu này được xây dựng với mục tiêu được đề ra là “xác định, phân tích hiện trạng các điểm nóng ô nhiễm môi trường” tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh dựa trên mô hình phân tích thứ bậc (AHP) nhằm đưa ra được các điểm nóng ô nhiễm, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp khắc phục.

Các kết quả nghiên cứu chính bao gồm:

- Tổng quan về các công trình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về điểm nóng ô nhiễm môi trường.
- Thành lập bản đồ điểm nóng ô nhiễm môi trường huyện Đông Triều.
- Phân tích ảnh hưởng của yếu tố hình thành nên điểm nóng ô nhiễm.
- Đưa ra những thảo luận về ý nghĩa khoa học, những giải pháp xử lý điểm nóng.



### **Nghiên cứu tiến hóa địa mạo giai đoạn đệ tứ khu vực nội thành Hà Nội nhằm định hướng sử dụng hợp lý các tài nguyên địa mạo**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Phương*

*Lớp: K54 CLC Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đặng Văn Bào*

Nằm ở phía tây của đồng bằng châu thổ Sông Hồng, khu vực nội thành Hà Nội là nơi chịu tương tác mạnh giữa các hoạt động của sông và biển trong bối cảnh dao động mực nước biển kỷ Đệ tứ. Dấu ấn của các chu kỳ biển tiến, biển thoái được ghi lại trong các tầng trầm tích và các dạng địa hình đặc trưng: hệ tầng Lệ Chi ( $Q_1^1lc$ ) và hệ tầng Hà Nội ( $Q_1^{2-3}hn$ ) bị chôn vùi dưới thành tạo Holocen, không lộ ra trên bề mặt địa hình nội thành Hà Nội; hệ tầng Vĩnh Phúc ( $Q_1^3vp$ ) với các thành tạo sông, sông biển và biển vũng vịnh để lại dấu ấn là các thềm bậc I; biển tiến cực đại Holocen được ghi nhận bởi các trầm tích hệ tầng Hải Hưng ( $Q_2^{1-2}hh$ ) với biểu hiện là bề mặt bằng phẳng có độ cao 4 – 6m; Biển thoái Holocen muện tạo điều kiện cho sự gia tăng

biến động lòng sông Hồng, tạo nên các trầm tích sông hệ tầng Thái Bình ( $Q_2^3tb$ ) cấu tạo các thể hệ bãi bồi và hoạt động xói lở bờ sông hiện tại.

Quá trình tiến hóa địa mạo cùng sự hình thành các tầng trầm tích kể trên cũng liên quan trực tiếp đến việc hình thành các loại khoáng sản, đó là các vật liệu xây dựng và nước ngầm liên quan tới những tầng trầm tích hạt thô được hình thành trong pha đầu của các chu kỳ, đặc biệt là nước ngầm liên quan tới trầm tích hệ tầng Hà Nội hình thành trong điều kiện khí hậu cực đoạn vào Pleistocen giữa - muộn; vật liệu sét gạch ngói thành tạo trong thời kỳ biển tiến cực đại liên quan tới việc tích tụ các trầm tích hạt mịn trong điều kiện yên tĩnh; than bùn liên quan đến các thành tạo đầm lầy liên quan với biển tiến Holocen.

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa điều kiện môi trường thành tạo, đặc điểm địa mạo, đặc điểm các hệ tầng và khoáng sản liên quan, đề tài đưa ra nhận xét bước đầu về quy luật phân bố của các dạng địa hình và các loại khoáng sản nhằm định hướng và sử dụng chúng một cách hợp lý.



## **Bước đầu nghiên cứu sự hình thành, phát triển và định hướng sử dụng hợp lý các hồ nước khu vực phía tây Hà Nội**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thu Phương*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Đặng Văn Bào*

Sau Quyết định mở rộng địa giới hành chính của thủ đô Hà Nội vào tháng 8 năm 2008, Hà Nội trở thành một trong những thủ đô lớn nhất thế giới. Cảnh quan Hà Nội mở rộng có sự tồn tại đa dạng của các địa hình tự nhiên như núi, sông, hồ, địa hình karst v.v., trong đó nổi bật nhất phải kể đến là hệ thống hồ nước với nhiều thắng cảnh, tạo điểm nhấn sinh thái cho thủ đô Hà Nội. Các hồ nước nơi đây không chỉ tạo cảnh quan sinh thái, điều hòa khí hậu mà cùng với các dòng sông, chúng còn nhiệm vụ quan trọng khác là cung cấp nước tưới cho hàng chục nghìn hecta đất canh tác nông nghiệp. Chính vì vậy, các hồ nước này có ý nghĩa lớn trong quy hoạch phát triển Thủ đô.

Ngoài nguồn gốc tự nhiên là dấu vết của các lòng sông cổ, hay là vùng đất trũng thấp nguyên thủy chưa được bồi lấp, có một số lượng lớn các hồ có nguồn gốc nhân tạo, được hình thành trong công tác thủy lợi, khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản v.v. Trong quá trình khai thác và sử dụng, nhiều hồ nước hiện nay đang gặp các vấn đề về môi trường như bồi lắng, xuống cấp và bị xâm hại nghiêm trọng. Tình

trạng này xảy ra liên quan tới đặc điểm cung cấp nước, thành phần vật chất cấu tạo đáy hồ v.v., có mối quan hệ trực tiếp với nguồn gốc hình thành nên các hồ này.

Nghiên cứu đã lựa chọn cách tiếp cận địa mạo với các phương pháp nghiên cứu địa mạo truyền thống kết hợp sử dụng ảnh viễn thám để tìm hiểu về nguồn gốc hình thành và phát triển các hồ nước khu vực phía Tây Hà Nội, phân loại chúng và lấy đó làm cơ sở đề xuất một số biện pháp sử dụng và bảo vệ hợp lý cảnh quan này.



## **Đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường xã Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Trang  
K54 Địa Lý*

*Giáo viên hướng dẫn: GS.TS Trương Quang Hải  
Th.s Vũ Hồng Lê*

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang là chủ đề nóng bỏng và được các quốc gia hết sức quan tâm, đặc biệt là các nước đang phát triển. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển kinh tế hiện nay, một thực tế khó có thể tránh khỏi đó là : sự phát triển kinh tế ở các cấp độ khác nhau ở mỗi quốc gia, mỗi vùng, mỗi địa phương đang làm suy kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm và suy thoái môi trường. Nước ta đang trên đà phát triển và hội nhập, do vậy việc bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề được Đảng và Nhà Nước hết sức quan tâm, vì nếu không có một chính sách hay một hệ phương pháp đúng đắn về bảo vệ môi trường thì sẽ gây ra những hậu quả to lớn về kinh tế và xã hội. Xã Hoàng Quế nằm ở phía Đông của huyện Đông Triều, Quảng Ninh, kinh tế của xã đang trên đà phát triển nhanh và mạnh nên đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, cảnh quan và chính sức khỏe của cộng đồng. Mục tiêu, nhiệm vụ cũng như kết quả đạt được của nghiên cứu là:

- Đánh giá hiện trạng môi trường xã Hoàng Quế.
- Dự báo xu thế, diễn biến môi trường trong tương lai của xã Hoàng Quế.
- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường góp phần vào sự phát triển bền vững của xã Hoàng Quế trong tương lai.



## **Bước đầu phân tích cấu trúc thảm thực vật xã An Sinh huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Hoàng Văn Trọng*  
*Lớp: K54 Địa lý*  
*Giáo viên hướng dẫn: TS Phạm Quang Anh*  
*GS.TS Nguyễn Cao Huân*

Phân tích cấu trúc thảm thực vật là hướng nghiên cứu về sự tổ chức không gian và sự thay đổi theo thời gian của các quần thể thực vật. Trên quan điểm địa lý học hiện đại, thảm thực vật được xem như một hợp phần quan trọng của lớp vỏ địa lý trong tính hoàn chỉnh và thống nhất của nó. Việc phân tích cấu trúc thảm thực vật dựa trên phương pháp luận “sinh thái phát sinh” là cách tiếp cận khoa học và tôn trọng quy luật khách quan.

An Sinh là một xã miền núi thuộc huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh có thảm thực vật đa dạng, từ vườn cây ăn quả, rừng trồng ở phía tây bắc và phía nam đến rừng tự nhiên ở khu vực phía đông bắc. Nghiên cứu đã áp dụng phương pháp phân tích các ô tiêu chuẩn, đo đạc và xử lý số liệu, vẽ lát cắt cấu trúc thảm thực vật. Kết quả nghiên cứu đã thể hiện rõ sự phân hóa các cấu trúc thảm thực vật theo đai cao: đai cao từ 600m trở lên là các thảm cỏ và ưu hợp về loài trúc; đai 100 – 600m là thảm thực vật với giẻ và trúc chiếm ưu thế, đai dưới 100m ưu thế họ Ô rô; khu vực gò đồi là các vườn cây ăn quả, khu vực thung lũng trồng lúa và hoa màu.

Đặc trưng và sự phân hóa thảm thực vật theo đai cao là cơ sở khoa học góp phần quy hoạch phát triển lâm, nông nghiệp (chủ yếu phát triển cây ăn quả quy mô lớn) và bảo vệ tài nguyên đất, nước, rừng cho khu vực nghiên cứu.



## **Nghiên cứu xây dựng hệ thống WebGIS mã nguồn mở phục vụ giao dịch về bất động sản (thử nghiệm tại phường Nam Đồng quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)**

*Sinh viên thực hiện: Trần Đức Việt*  
*Lớp: K54 Công nghệ Địa chính*  
*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Trần Quốc Bình*  
*CN Nguyễn Xuân Linh*



Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin mà tiêu biểu là Internet đã tác động to lớn tới tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội. Cùng với tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ thì nhu cầu về giao dịch bất động sản ngày càng tăng lên nhanh chóng. Nhằm đáp ứng nhu cầu này, nhiều trang web bất động sản đã ra đời, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức độ cung cấp thông tin thuộc tính dưới dạng văn bản, hình ảnh, còn khả năng hiển thị các đối tượng không gian thì không có hoặc rất hạn chế.

Với việc ứng dụng công nghệ GIS mã nguồn mở MapServer, pMapper và ngôn ngữ lập trình PHP, nghiên cứu đã xây dựng một hệ thống WebGIS có khả năng đưa thông tin bất động sản lên mạng Internet dưới dạng bản đồ trực tuyến và cung cấp cho người dùng một số chức năng phục vụ cho giao dịch bất động sản. Áp dụng thử nghiệm tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, người sử dụng có thể tìm kiếm bất động sản mà mình quan tâm một cách dễ dàng, trực quan đồng thời có thể rao bán hoặc đặt mua căn nhà hay thửa đất. Sản phẩm đã tạo ra sự chủ động trong quá trình giao dịch bất động sản, đồng thời góp phần vào việc nghiên cứu ứng dụng phần mềm mã nguồn mở trong xây dựng hệ thống thông tin ở Việt Nam.



## **Đánh giá thực trạng thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận tại huyện Anh Sơn, Nghệ An**

*Sinh viên thực hiện: Chu Thị Hà Vân, Phạm Thị Ngọc Quỳnh*

*Lớp: K55 Địa chính*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Trần Văn Tuấn*

*TS Phạm Thị Phìn*

Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay. Giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa là hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng một cửa. Việc này đã làm rõ nội dung công việc thực hiện, quy rõ trách nhiệm của mỗi công chức, mỗi khâu xử lý trong bộ máy cơ quan hành chính Nhà; góp phần chống tệ quan liêu, cửa quyền, tiêu cực khi thi hành công vụ; nâng cao chất lượng công vụ, ý thức kỷ luật, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước theo hướng tinh, gọn, hoạt động có hiệu quả. .

Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An thành lập Trung tâm giao dịch một cửa năm 2003. Sau khi Trung tâm này đi vào hoạt động, các thủ tục hành chính trong đăng ký

đất đai, cấp giấy chứng nhận đã có những chuyển biến tích cực so với trước. Song thực tế cho thấy, thủ tục tiếp nhận và giải quyết công việc của văn phòng một cửa vẫn còn rườm rà. Mặt khác, một bộ phận cán bộ công chức nhà nước khi tiếp và giải quyết công việc của nhân dân còn có thái độ thiếu tôn trọng, cửa quyền, sách nhiễu... gây mất lòng tin ở dân.

Đứng trước những vấn đề trên, nghiên cứu này tập trung vào thực trạng giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Văn phòng một cửa huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.



## **Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại xã Kiên Lao huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang**

*Sinh viên thực hiện: Hồ Thị Xuân*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Hải*

*TS Nguyễn Thị Hà Thành*

Các hoạt động du lịch đã và đang chứng minh được rằng cộng đồng dân cư đóng góp một phần không nhỏ vào phát triển các dịch vụ cung cấp cho khách du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường và là chủ thể để phát triển du lịch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương với tư cách là bên tham gia, đối tác của ngành du lịch được coi như yêu cầu phát triển mới nhằm đảm bảo những cân bằng về lợi ích giữa các bên tham gia: Nhà nước – Các doanh nghiệp du lịch – Cộng đồng – Du khách để hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.

Là một xã thuộc huyện miền núi Lục Ngạn của tỉnh Bắc Giang, Kiên Lao được thiên nhiên ưu đãi nhiều tiềm năng phát triển du lịch tự nhiên như hồ Khuôn Thần, miệt vườn vải thiều, rừng thông... đồng thời có sự kết hợp với sự đa dạng bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn (Sán Chí, Nùng, Sán Dìu, Cao Lan, Tày, Dao, Hoa, Kinh). Đặc biệt, ngày 27/12/2012, địa phương chính thức đón Bằng chứng nhận “Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia - hát dân ca Sán Chí xã Kiên Lao”. Điều này tạo lợi thế cho phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại đây. Tuy nhiên người dân địa phương chưa được khuyến khích tham gia và cũng chưa thu được nhiều nguồn lợi từ hoạt động du lịch, để từ đó có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch của xã.

Với cách tiếp cận từ cơ sở thông qua điều tra xã hội học cộng đồng địa phương vào tháng 3/2013, báo cáo nhằm làm rõ các điều kiện thuận lợi và khó khăn cho công

tác du lịch tại xã Kiên Lao, bước đầu định hướng giải pháp phát triển du lịch tại đây. Đồng thời mô hình hóa dữ liệu thuộc tính theo phương pháp bản đồ - GIS, tạo ra các sản phẩm như bản đồ tài nguyên du lịch, bản đồ định hướng phát triển du lịch.

## **Nghiên cứu đánh giá hiện trạng chất thải rắn huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh**

*Sinh viên thực hiện: Vũ Thị Xuyên*

*Lớp: K54 Địa lý*

*Giáo viên hướng dẫn: GS.TS Nguyễn Cao Hoàn*

*Th.S Dư Vũ Việt Quân*

Trong 10 năm qua, quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại huyện Đông Triều đã diễn ra rất sôi động, nhiều cơ sở công nghiệp được xây dựng và phát triển, nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi theo hướng tập trung hơn, đô thị mở rộng với dân số đô thị ngày càng tăng đã làm tăng lượng chất thải rắn vượt quá khả năng thu gom, xử lý. Việc thải bỏ không khoa học các chất thải vào môi trường ở các khu dân cư và cơ sở công nghiệp là nguồn gốc chính gây ô nhiễm môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và cuộc sống của cộng đồng, mất mỹ quan và gây sức ép đến phát triển bền vững. Vì vậy, việc thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn, xây dựng các bãi chôn lấp, xử lý và chế biến chất thải rắn đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường là những yêu cầu cấp bách đối với huyện Đông Triều. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá đúng hiện trạng chất thải rắn và thực trạng công tác quản lý ở huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp với các khu vực khác nhau trên địa bàn huyện nhằm hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.